

BÁO CÁO **V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ TCTHK theo QĐPL mới**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ TCTHK theo các quy định mới của pháp luật như sau:

1. Căn cứ sửa đổi, bổ sung

- Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 (hiệu lực từ 01/8/2025) - sau đây gọi là Luật 68;
- Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi Luật doanh nghiệp năm 2020 (hiệu lực từ 01/7/2025) - sau đây gọi là LDN sửa đổi;
- Nghị định số 245/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết Luật chứng khoán (hiệu lực từ 11/9/2025) - sau đây gọi là Nghị định 155 sửa đổi;
- Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg về hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (hiệu lực từ 15/11/2025);
- Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 12/12/2025 ghi nhận các thay đổi về ngành, nghề kinh doanh của TCTHK theo quy định mới về hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam.

2. Nội dung sửa đổi, bổ sung

2.1 Sửa đổi theo Luật 68

- Điều 23.1 (d), 23.2 (o), 29.2 (d), 37.2 (g, i): sửa đổi mức phân cấp thẩm quyền giữa ĐHĐCĐ và HĐQT để phù hợp với Điều 27.3, 27.7 Luật 68 và Điều 31.6, 31.7 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP. Theo đó, HĐQT quyết định đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư/ vốn đầu tư, mua, thuê mua và bán tài sản cố định với giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu hoặc không quá 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu nhưng không vượt quá 5.000 tỷ (thay cho mức phân cấp với giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản đối với việc đầu tư và bán tài sản theo Điều lệ hiện hành).
- Điều 20.5 (b): người đại diện phần vốn nhà nước tại TCTHK áp dụng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định khác của pháp luật có liên quan (thay vì quy định của UBQLVNN tại doanh nghiệp - cơ quan đại diện CSH trước đây) để bao hàm Điều 37 Luật 68 và các văn bản quy phạm pháp luật khác (nếu có), tránh phải sửa đổi, bổ sung Điều lệ khi quy định pháp luật có sự thay đổi.
- Điều 63.1: nguyên tắc chuyển nhượng vốn ra ngoài TCTHK được dẫn chiếu đến Luật 68 (thay cho tên văn bản quy phạm pháp luật đã hết hiệu lực - Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp).

2.2 Sửa đổi theo quy định pháp luật về doanh nghiệp

- Điều 4.2: làm rõ người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm cá nhân theo QĐPL (để phù hợp với Điều 13.2 LDN sửa đổi).
- Điều 7.5 (c): bổ sung trường hợp giảm VĐL khi hoàn lại vốn góp cho cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại (để phù hợp với Điều 112.5 LDN sửa đổi).
- Điều 18.4: bổ sung trách nhiệm của cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ (để phù hợp với Điều 115.4 LDN sửa đổi).

2.3 Sửa đổi theo quy định pháp luật về chứng khoán

- Điều 34.3 (a): làm rõ số lượng TV HĐQT không điều hành tối thiểu là 02 thành viên (để phù hợp với Điều 276.2 Nghị định 155 sửa đổi).
- Điều 35.1 (c): bổ sung, làm rõ TV HĐQT chỉ được đồng thời làm TV HĐQT, TV HĐQT tại tối đa 05 công ty khác (để phù hợp với Điều 275.3 Nghị định 155 sửa đổi).
- Điều 37.3 (h): bổ sung nội dung về hoạt động của TV HĐQT độc lập và kết quả đánh giá của từng TV HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT vào các nội dung HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ thường niên (để phù hợp với Điều 280.4 Nghị định 155 sửa đổi).
- Điều 48.1 (b): bổ sung quy định về việc TGD không được là người có quan hệ gia đình của người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty theo quy định tại điểm b Khoản 5 Điều 162 LDN (để phù hợp với Điều 291.6 Nghị định 155 sửa đổi). Đồng thời, rà soát bổ sung tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên BKS tại Điều 50.2 (c) không được là người có quan hệ gia đình của người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty theo quy định tại Khoản 2 Điều 169 LDN.
- Điều 55.6: điều chỉnh lại ngưỡng phân cấp giữa ĐHĐCĐ và HĐQT về việc chấp thuận giao dịch với người có liên quan phù hợp với nguyên tắc áp dụng VBQPPL tại Điều 58.3 Luật ban hành VBQPPL 2025 (Điều 47.6 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC chưa thống nhất với Điều 293.4 Nghị định 155 sửa đổi và Điều 167 LDN). Nội dung sau khi điều chỉnh cũng thống nhất với thẩm quyền của ĐHĐCĐ về nội dung này tại Điều 23.2 (r) Điều lệ TCTHK hiện hành.

2.4 Sửa đổi theo quy định pháp luật về ngành nghề kinh tế Việt Nam

- Sửa đổi Khoản 3, 13, 18, 28, 30, 31, 33, 34, 35 Điều 5 về tên ngành (không ảnh hưởng đến nội dung chi tiết ngành, nghề kinh doanh của TCTHK).
- (Chi tiết tại Bảng so sánh, thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung đính kèm)*

3. Đánh giá

Việc sửa đổi Điều lệ TCTHK theo báo cáo tại Mục 2 nêu trên là cần thiết để đảm bảo phù hợp với quy định mới của pháp luật trong quá trình hoạt động SXKD của TCTHK.

4. Kiến nghị

Trên cơ sở báo cáo nêu trên, HĐQT kính đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ TCTHK theo nội dung chi tiết tại Phụ lục I đính kèm./.

Trân trọng kính trình.

BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TCTHK THEO VBQPPL MỚI

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
I	Sửa đổi theo Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15		Hiệu lực từ 01/8/2025
1	Điều 20. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức		
	5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:		
	a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;		
	b) Tiêu chuẩn và điều kiện khác đối với người đại diện phần vốn nhà nước tại VIETNAM AIRLINES thực hiện <i>theo quy định của cơ quan đại diện chủ sở hữu</i>	b) Tiêu chuẩn và điều kiện khác đối với người đại diện phần vốn nhà nước tại VIETNAM AIRLINES thực hiện <i>theo quy định khác của pháp luật có liên quan</i>	Điều 37 Luật 68
2	Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông		
	1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:		
	d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VIETNAM AIRLINES;	<i>d) Quyết định các khoản mục có giá trị vượt quá 50% vốn chủ sở hữu hoặc vượt quá 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu hoặc vượt quá 5.000 tỷ, bao gồm:</i> <i>(i) Đầu tư đối với từng dự án đầu tư, khoản đầu tư tính theo mức vốn đầu tư;</i> <i>(ii) Chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư tính theo giá trị lớn hơn giữa giá trị khoản đầu tư trên sổ sách kế toán và giá trị chuyển nhượng dự kiến thu được;</i> <i>(iii) Mua, thuê mua tài sản cố định tính theo giá mua, thuê mua tài sản cố định;</i> <i>(iv) Bán tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được hoặc sử dụng không hiệu quả để thu hồi vốn tính theo giá trị còn lại theo sổ sách kế toán.</i> <i>Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu quy định tại điểm d Khoản này được xác định theo báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm của VIETNAM AIRLINES tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư/ chuyển nhượng/ bán.</i>	Điều 27.3, 27.7 Luật 68; Điều 31.6, 31.7 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
	2.Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:		
	o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VIETNAM AIRLINES;	<i>o)Quyết định các khoản mục có giá trị vượt quá 50% vốn chủ sở hữu hoặc vượt quá 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu hoặc vượt quá 5.000 tỷ, bao gồm:</i> <i>(i)Đầu tư đối với từng dự án đầu tư, khoản đầu tư tính theo mức vốn đầu tư;</i> <i>(ii)Chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư tính theo giá trị lớn hơn giữa giá trị khoản đầu tư trên sổ sách kế toán và giá trị chuyển nhượng dự kiến thu được;</i> <i>(iii)Mua, thuê mua tài sản cố định tính theo giá mua, thuê mua tài sản cố định;</i> <i>(iv)Bán tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được hoặc sử dụng không hiệu quả để thu hồi vốn tính theo giá trị còn lại theo sổ sách kế toán.</i> <i>Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu quy định tại điểm o Khoản này được xác định theo báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm của VIETNAM AIRLINES tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư/ chuyển nhượng/ bán.</i>	Điều 27.3, 27.7 Luật 68; Điều 31.6, 31.7 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP
3	Điều 29. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua		
	2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 4 Điều này, khoản 1 Điều 25 và khoản 8 Điều 30 Điều lệ này:		

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
	d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VIETNAM AIRLINES	<i>d)Quyết định các khoản mục có giá trị vượt quá 50% vốn chủ sở hữu hoặc vượt quá 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu hoặc vượt quá 5.000 tỷ, bao gồm:</i> <i>(i)Đầu tư đối với từng dự án đầu tư, khoản đầu tư tính theo mức vốn đầu tư;</i> <i>(ii)Chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư tính theo giá trị lớn hơn giữa giá trị khoản đầu tư trên sổ sách kế toán và giá trị chuyển nhượng dự kiến thu được;</i> <i>(iii)Mua, thuê mua tài sản cố định tính theo giá mua, thuê mua tài sản cố định;</i> <i>(iv)Bán tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được hoặc sử dụng không hiệu quả để thu hồi vốn tính theo giá trị còn lại theo sổ sách kế toán.</i> <i>Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu quy định tại điểm d Khoản này được xác định theo báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm của VIETNAM AIRLINES tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư/ chuyển nhượng/ bán.</i>	Điều 27.3, 27.7 Luật 68; Điều 31.6, 31.7 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP
4	Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị		
	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ VIETNAM AIRLINES và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:		

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
	g) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VIETNAM AIRLINES;	g) Quyết định các khoản mục có giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu hoặc không quá 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu nhưng không vượt quá 5.000 tỷ, bao gồm: (i) Đầu tư đối với từng dự án đầu tư, khoản đầu tư tính theo mức vốn đầu tư; (ii) Chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư tính theo giá trị lớn hơn giữa giá trị khoản đầu tư trên sổ sách kế toán và giá trị chuyển nhượng dự kiến thu được; (iii) Mua, thuê mua tài sản cố định tính theo giá mua, thuê mua tài sản cố định; (iv) Bán tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được hoặc sử dụng không hiệu quả để thu hồi vốn tính theo giá trị còn lại theo sổ sách kế toán. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu quy định tại điểm g Khoản này được xác định theo báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm của VIETNAM AIRLINES tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư/ chuyển nhượng/ bán.	Điều 27.3, 27.7 Luật 68; Điều 31.6, 31.7 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP
	i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VIETNAM AIRLINES, trừ trường hợp có quy định khác tại các quy chế quản lý nội bộ của VIETNAM AIRLINES; thông qua hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1, điểm o Khoản 2 Điều 23 Điều lệ này và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;	i) Thông qua hợp đồng vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VIETNAM AIRLINES, trừ trường hợp có quy định khác tại các quy chế quản lý nội bộ của VIETNAM AIRLINES; thông qua hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1, điểm o Khoản 2 Điều 23 Điều lệ này và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;	mua, bán đã thuộc nội dung hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ tại điểm d Khoản 1, điểm o Khoản 2 Điều 23 Điều lệ
5	Điều 63. Chuyển nhượng vốn ra ngoài VIETNAM AIRLINES		

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
	1. Việc chuyển nhượng các khoản đầu tư vốn ra ngoài VIETNAM AIRLINES (bao gồm cả việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn vào công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn) thực hiện theo quy định của <i>Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp</i> , Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định hiện hành của pháp luật và đảm bảo các nguyên tắc sau:	1. Việc chuyển nhượng các khoản đầu tư vốn ra ngoài VIETNAM AIRLINES (bao gồm cả việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn vào công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn) thực hiện theo quy định của <i>Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp</i> , Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định hiện hành của pháp luật và đảm bảo các nguyên tắc sau:	sửa tên Luật
	a) Tuân thủ quy định tại <i>Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp</i> , quy định pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán, đầu tư, quản lý ngoại hối và quy định khác của pháp luật có liên quan;	a) Tuân thủ quy định tại <i>Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp</i> , quy định pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán, đầu tư, quản lý ngoại hối và quy định khác của pháp luật có liên quan;	sửa tên Luật
	b) Phản ánh đầy đủ giá trị thực tế doanh nghiệp, bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;		
	c) Bảo đảm nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch.		
II	Sửa đổi theo Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi LDN 2020		Hiệu lực từ 01/7/2025
1	Điều 4. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của VIETNAM AIRLINES		
	2. Người đại diện theo pháp luật của VIETNAM AIRLINES chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho VIETNAM AIRLINES do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này.	2. Người đại diện theo pháp luật của VIETNAM AIRLINES chịu trách nhiệm cá nhân <u>theo quy định của pháp luật</u> đối với thiệt hại cho VIETNAM AIRLINES do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này	Điều 13.2 LDN sửa đổi
2	Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần		
	5. VIETNAM AIRLINES có thể giảm vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây:		
	a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, VIETNAM AIRLINES hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của họ trong VIETNAM AIRLINES khi VIETNAM AIRLINES đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;		
	b) VIETNAM AIRLINES mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Điều lệ này;		
	c) Việc giảm vốn điều lệ của VIETNAM AIRLINES phải bảo đảm vốn điều lệ sau khi giảm không được thấp hơn vốn pháp định theo quy định của pháp luật (nếu có).	c) VIETNAM AIRLINES hoàn lại vốn góp theo yêu cầu, điều kiện được ghi tại cổ phiếu cho cổ đông sở hữu cổ phần có quyền ưu đãi hoàn lại theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VIETNAM AIRLINES.	Điều 112.5 LDN sửa đổi

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
		Việc giảm vốn điều lệ của VIETNAM AIRLINES phải bảo đảm vốn điều lệ sau khi giảm không được thấp hơn vốn pháp định theo quy định của pháp luật (nếu có).	
3	Điều 18. Quyền của cổ đông		
	4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của VIETNAM AIRLINES, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.	4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của VIETNAM AIRLINES, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</u>	Điều 115.4 LDN sửa đổi
III	Sửa đổi theo ND 245/2025/NĐ-CP sửa đổi ND 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết LCK		Hiệu lực từ 11/9/2025
1	Điều 34. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị		
	3.Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:	3.Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:	
	a) <i>Cơ cấu Hội đồng quản trị của VIETNAM AIRLINES phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.</i> VIETNAM AIRLINES hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của VIETNAM AIRLINES để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị;	a) <i>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của VIETNAM AIRLINES tối thiểu là 02 thành viên.</i> VIETNAM AIRLINES hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của VIETNAM AIRLINES để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị;	Điều 276.2 ND 155/2020/NĐ-CP sửa đổi
	b) Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị tối thiểu là 02 thành viên.		
2	Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị		

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:		
	a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;		
	b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của VIETNAM AIRLINES và không nhất thiết phải là cổ đông của VIETNAM AIRLINES;		
	c) Chỉ được đồng thời là thành viên hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác;	c) Chỉ được đồng thời là thành viên hội đồng quản trị <u>hoặc</u> <u>Hội đồng thành viên</u> tại tối đa 05 công ty khác;	Điều 275.3 ND 155/2020/NĐ-CP sửa đổi
	d) Không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của VIETNAM AIRLINES; và		
3	Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị		
	3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị về các nội dung sau:		
	a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Điều lệ này; b) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị; c) Báo cáo các giao dịch giữa VIETNAM AIRLINES, công ty con, công ty do VIETNAM AIRLINES nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa VIETNAM AIRLINES với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; d) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có); e) Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc; f) Kết quả giám sát đối với người điều hành khác; g) Các kế hoạch trong tương lai.	h) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị	Điều 280.4 ND 155/2020/NĐ-CP sửa đổi

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
4	Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc		
	1. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:		Hiện đang quy định theo Điều 162.5 LDN 2020
	a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;		
	b) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý VIETNAM AIRLINES, thành viên Ban kiểm soát; người đại diện phần vốn nhà nước tại VIETNAM AIRLINES;	b) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý VIETNAM AIRLINES, thành viên Ban kiểm soát, người đại diện phần vốn nhà nước tại VIETNAM AIRLINES, <i>người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty theo quy định tại điểm b Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp</i>	Điều 291.6 NĐ 155/2020/NĐ-CP sửa đổi: người có liên quan theo quy định tại điểm d Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán đã thuộc nội hàm của "người có quan hệ gia đình" theo LDN
	c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của VIETNAM AIRLINES.		
5	Điều 50. Thành phần Ban Kiểm soát		
	2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:		
	c) Không phải là người có quan hệ gia đình của Người đại diện phần vốn Nhà nước tại VIETNAM AIRLINES, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;	c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, người đại diện phần vốn Nhà nước tại VIETNAM AIRLINES, <i>người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty theo quy định tại Khoản 2 Điều 169 Luật Doanh nghiệp</i>	rà soát, sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Điều 169.2 LDN
6	Điều 55. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi		
	6. Giao dịch giữa VIETNAM AIRLINES với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:		

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
	a) Đối với giao dịch có giá trị <i>nhỏ hơn hoặc bằng</i> 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;	a) Đối với giao dịch có giá trị <i>nhỏ hơn</i> 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;	thực tế Điều lệ hiện hành đang quy định theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC (Điều 47.6 Điều lệ mẫu chưa thống nhất với Điều 167 LDN và Điều 293.4 NB 155/2020/NB-CP). Do vậy, căn cứ Điều 58.3 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn. Nội dung sửa đổi cũng thống nhất với thẩm quyền ĐHĐCĐ đang quy định tại Điều 23.2 (r) Điều lệ
	b) Đối với giao dịch có giá trị <i>lớn hơn</i> 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.	b) Đối với giao dịch có giá trị <i>từ</i> 35% <i>trở lên</i> hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.	
IV	Cập nhật theo Quyết định 36/2025/QĐ-TTg về hệ thống ngành kinh tế Việt Nam		Hiệu lực từ 15/11/2025
1	Điều 5. Ngành, nghề kinh doanh của VIETNAM AIRLINES		
	3. Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải: bảo dưỡng tàu bay, động cơ, phụ tùng vật tư, thiết bị hàng không, thiết bị phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất và các thiết bị kỹ thuật khác.	3. Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (<i>trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác</i>): bảo dưỡng tàu bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không, thiết bị phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất và các thiết bị kỹ thuật khác	
	13. Hoạt động tư vấn quản lý, bao gồm: Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất kinh doanh; Đầu tư ra nước ngoài; Mua, bán doanh nghiệp; Góp vốn, mua cổ phần hoặc chuyển nhượng vốn góp, bán cổ phần.	13. Hoạt động tư vấn quản lý <i>kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác</i> : Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất, kinh doanh; Đầu tư ra nước ngoài; mua, bán doanh nghiệp; góp vốn, mua cổ phần hoặc chuyển nhượng vốn góp, bán cổ phần (<i>Không bao gồm: tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán</i>).	
	18. Cung ứng và quản lý nguồn lao động (loại trừ Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng).	18. <i>Cung ứng nguồn nhân lực khác</i> : Cung ứng và quản lý nguồn lao động (loại trừ Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng)	

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
	28. Dịch vụ hỗ trợ giáo dục.	28. Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác	
	30. Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch : Kinh doanh các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch khác như đặt chỗ khách sạn, cho thuê xe ô tô, mua bảo hiểm du lịch dưới dạng bán sản phẩm bổ trợ. Cụ thể là sản phẩm do đối tác thứ ba cung cấp, VIETNAM AIRLINES chỉ là nhà phân phối và hưởng hoa hồng trên cơ sở tùy chọn của hành khách và hành khách trả thêm tiền (doanh nghiệp chỉ cung cấp dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam (inbound) và lữ hành nội địa đối với khách vào du lịch Việt Nam như là một phần của dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam).	30. Hoạt động liên quan đến du lịch khác: Đặt chỗ khách sạn, cho thuê xe ô tô, mua bảo hiểm du lịch dưới dạng bán sản phẩm bổ trợ. Cụ thể là sản phẩm do đối tác thứ ba cung cấp, VIETNAM AIRLINES chỉ là nhà phân phối và hưởng hoa hồng trên cơ sở tùy chọn của hành khách và hành khách trả thêm tiền (doanh nghiệp chỉ cung cấp dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam (inbound) và lữ hành nội địa đối với khách vào du lịch Việt Nam như là một phần của dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam)	
	31. Đại lý du lịch : Vận chuyển hành khách du lịch, phát triển khu du lịch và điểm du lịch, đại lý du lịch và kinh doanh dịch vụ du lịch khác (doanh nghiệp chỉ cung cấp dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam (inbound) và lữ hành nội địa đối với khách vào du lịch Việt Nam như là một phần của dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam).	31. Đại lý lữ hành : Vận chuyển hành khách du lịch, phát triển khu du lịch và điểm du lịch; đại lý du lịch và kinh doanh dịch vụ du lịch khác (doanh nghiệp chỉ cung cấp dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam (inbound) và lữ hành nội địa đối với khách vào du lịch Việt Nam như là một phần của dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam)	
	33. Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh lưu trú du lịch.	33. Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự : Kinh doanh lưu trú du lịch	
	34. Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (loại trừ hoạt động đấu giá và thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	34. Hoạt động dịch vụ trung gian bán lẻ a) Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (loại trừ hoạt động đấu giá và thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối); b) Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác như bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ, bán thông qua máy bán hàng tự động ...(loại trừ hoạt động đấu giá và thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)	
	35. Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu: Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác như bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ, bán thông qua máy bán hàng tự động... (loại trừ hoạt động đấu giá và thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).		

Phụ lục I

NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TCTHK

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Người đại diện theo pháp luật của VIETNAM AIRLINES chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật đối với thiệt hại cho VIETNAM AIRLINES do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này.”

2. Sửa đổi, bổ sung một số Khoản của Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 như sau:

“3. Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác): bảo dưỡng tàu bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không, thiết bị phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất và các thiết bị kỹ thuật khác”

b) Sửa đổi, bổ sung Khoản 13 như sau:

“13. Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác: Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất, kinh doanh; Đầu tư ra nước ngoài; mua, bán doanh nghiệp; góp vốn, mua cổ phần hoặc chuyển nhượng vốn góp, bán cổ phần (Không bao gồm: tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán).”

c) Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 như sau:

“18. Cung ứng nguồn nhân lực khác: Cung ứng và quản lý nguồn lao động (loại trừ Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng).”

d) Sửa đổi, bổ sung Khoản 28 như sau:

“28. Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác.”

e) Sửa đổi, bổ sung Khoản 30 như sau:

“30. Hoạt động liên quan đến du lịch khác: Đặt chỗ khách sạn, cho thuê xe ô tô, mua bảo hiểm du lịch dưới dạng bán sản phẩm bổ trợ. Cụ thể là sản phẩm do đối tác thứ ba cung cấp, VIETNAM AIRLINES chỉ là nhà phân phối và hưởng hoa hồng trên cơ sở tùy chọn của hành khách và hành khách trả thêm tiền (doanh nghiệp chỉ cung cấp dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam (inbound) và lữ hành nội địa đối với khách vào du lịch Việt Nam như là một phần của dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam).”

f) Sửa đổi, bổ sung Khoản 31 như sau:

“31. Đại lý lữ hành: Vận chuyển hành khách du lịch, phát triển khu du lịch và điểm du lịch; đại lý du lịch và kinh doanh dịch vụ du lịch khác (doanh nghiệp chỉ cung cấp dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam (inbound) và lữ hành nội địa đối với khách vào du lịch Việt Nam như là một phần của dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam).”

g) Sửa đổi, bổ sung Khoản 33 như sau:

“33. Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự: Kinh doanh lưu trú du lịch.”

h) Ghép Khoản 34 và Khoản 35 thành 1 Khoản và sửa đổi, bổ sung như sau:

“34. Hoạt động dịch vụ trung gian bán lẻ

a) Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (loại trừ hoạt động đấu giá và thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối);

b) Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác như bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ, bán thông qua máy bán hàng tự động ...(loại trừ hoạt động đấu giá và thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).”

i) Đánh lại số thứ tự các khoản tiếp theo.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c Khoản 5 Điều 7 như sau:

“c) VIETNAM AIRLINES hoàn lại vốn góp theo yêu cầu, điều kiện được ghi tại cổ phiếu cho cổ đông sở hữu cổ phần có quyền ưu đãi hoàn lại theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VIETNAM AIRLINES.

Việc giảm vốn điều lệ của VIETNAM AIRLINES phải bảo đảm vốn điều lệ sau khi giảm không được thấp hơn vốn pháp định theo quy định của pháp luật (nếu có).”

4. Bổ sung vào cuối Khoản 4 Điều 18 như sau:

“Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.”

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 5 Điều 20 như sau:

“b) Tiêu chuẩn và điều kiện khác đối với người đại diện phần vốn nhà nước tại VIETNAM AIRLINES thực hiện theo quy định khác của pháp luật có liên quan.”

6. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, Khoản của Điều 23 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d Khoản 1 như sau:

“d) Quyết định các khoản mục có giá trị vượt quá 50% vốn chủ sở hữu hoặc vượt quá 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu hoặc vượt quá 5.000 tỷ, bao gồm:

(i) Đầu tư đối với từng dự án đầu tư, khoản đầu tư tính theo mức vốn đầu tư;

(ii) Chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư tính theo giá trị lớn hơn giữa giá trị khoản đầu tư trên sổ sách kế toán và giá trị chuyển nhượng dự kiến thu được;

(iii) Mua, thuê mua tài sản cố định tính theo giá mua, thuê mua tài sản cố định;

(iv) Bán tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được hoặc sử dụng không hiệu quả để thu hồi vốn tính theo giá trị còn lại theo sổ sách kế toán.

Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu quy định tại điểm d Khoản này được xác định theo báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm của VIETNAM AIRLINES tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư/chuyển nhượng/ bán.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm o Khoản 2 như sau:

“o) Quyết định các khoản mục có giá trị vượt quá 50% vốn chủ sở hữu hoặc vượt quá 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu hoặc vượt quá 5.000 tỷ, bao gồm:

(i) Đầu tư đối với từng dự án đầu tư, khoản đầu tư tính theo mức vốn đầu tư;

(ii) Chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư tính theo giá trị lớn hơn giữa giá trị khoản đầu tư trên sổ sách kế toán và giá trị chuyển nhượng dự kiến thu được;

(iii) Mua, thuê mua tài sản cố định tính theo giá mua, thuê mua tài sản cố định;

(iv) Bán tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được hoặc sử dụng không hiệu quả để thu hồi vốn tính theo giá trị còn lại theo sổ sách kế toán.

Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu quy định tại điểm o Khoản này được xác định theo báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm của VIETNAM AIRLINES tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư/chuyển nhượng/ bán.”

7. Sửa đổi, bổ sung điểm d Khoản 2 Điều 29 như sau:

“d) Quyết định các khoản mục có giá trị vượt quá 50% vốn chủ sở hữu hoặc vượt quá 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu hoặc vượt quá 5.000 tỷ, bao gồm:

(i) Đầu tư đối với từng dự án đầu tư, khoản đầu tư tính theo mức vốn đầu tư;

(ii) Chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư tính theo giá trị lớn hơn giữa giá trị khoản đầu tư trên sổ sách kế toán và giá trị chuyển nhượng dự kiến thu được;

(iii) Mua, thuê mua tài sản cố định tính theo giá mua, thuê mua tài sản cố định;

(iv) Bán tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được hoặc sử dụng không hiệu quả để thu hồi vốn tính theo giá trị còn lại theo sổ sách kế toán.

Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu quy định tại điểm d Khoản này được xác định theo báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm của VIETNAM AIRLINES tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư/ chuyển nhượng/ bán.”

8. Sửa đổi, bổ sung điểm a Khoản 3 Điều 34 như sau:

“a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của VIETNAM AIRLINES tối thiểu là 02 thành viên. VIETNAM AIRLINES hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của VIETNAM AIRLINES để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị;”

9. Sửa đổi, bổ sung điểm c Khoản 1 Điều 35 như sau:

“c) Chỉ được đồng thời là thành viên hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;”

10. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, Khoản của Điều 37 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm g Khoản 2 như sau:

“g) Quyết định các khoản mục có giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu hoặc không quá 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu nhưng không vượt quá 5.000 tỷ, bao gồm:

(i) Đầu tư đối với từng dự án đầu tư, khoản đầu tư tính theo mức vốn đầu tư;

(ii) Chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư tính theo giá trị lớn hơn giữa giá trị khoản đầu tư trên sổ sách kế toán và giá trị chuyển nhượng dự kiến thu được;

(iii) Mua, thuê mua tài sản cố định tính theo giá mua, thuê mua tài sản cố định;

(iv) Bán tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được hoặc sử dụng không hiệu quả để thu hồi vốn tính theo giá trị còn lại theo sổ sách kế toán.

Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu quy định tại điểm g Khoản này được xác định theo báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm của VIETNAM AIRLINES tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư/ chuyển nhượng/ bán”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm i Khoản 2 như sau:

“i) Thông qua hợp đồng vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VIETNAM AIRLINES, trừ trường hợp có quy định khác tại các quy chế quản lý nội bộ của VIETNAM AIRLINES; thông qua hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1, điểm o Khoản 2 Điều 23 Điều lệ này và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;”

c) Bổ sung điểm h vào Khoản 3 Điều 37 như sau:

“h) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.”

11. Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 1 Điều 48 như sau:

“b) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý VIETNAM AIRLINES, thành viên Ban kiểm soát, người đại diện phần vốn nhà nước tại VIETNAM AIRLINES, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty theo quy định tại điểm b Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp”

12. Sửa đổi, bổ sung điểm c Khoản 2 Điều 50 như sau:

“c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác, người đại diện phần vốn Nhà nước tại VIETNAM AIRLINES, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty theo quy định tại Khoản 2 Điều 169 Luật Doanh nghiệp;”

13. Sửa đổi, bổ sung điểm a, b Khoản 6 Điều 55 như sau:

“a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.”

14. Thay thế cụm từ “Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp” bằng cụm từ “Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp” tại Điều 63.